

ĐẦU TƯ VỚI THU HÚT KHÁCH DU LỊCH Ở TIỂU VÙNG NAM SÔNG HỒNG

Investment and tourist attraction in the South subregion of Hong River Delta

ĐẶNG THỊ THÚY DUYÊN

Đầu tư luôn đóng vai trò quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế của các quốc gia nói chung và phát triển du lịch nói riêng. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm xem xét tác động của đầu tư với lượng khách du lịch đến tiểu vùng nam sông Hồng. Nghiên cứu đã thu thập số liệu thứ cấp của các tỉnh Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình về đầu tư khu vực nhà nước, khu vực tư nhân, khách du lịch trong nước, khách du lịch quốc tế làm căn cứ nghiên cứu. Bằng cách xác định và xem xét từng yếu tố, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp khả thi nhằm thu hút và sử dụng vốn đầu tư ở tiểu vùng nam sông Hồng ngày càng hợp lý và bền vững hơn.

Từ khóa: đầu tư, du lịch, tiểu vùng nam sông Hồng.

Investment has played an important role in the economic growth of countries in general and tourism development in particular. This study aims to examine the impact of investment on tourist arrivals to the South subregion of the Hong River Delta. The author has collected secondary data of Nam Dinh, Thai Binh and Ninh Binh Provinces from investment in the state sector, private sector, domestic tourists, international tourists as a research base. By identifying and considering each factor, the author will expand the scope of the study further and will propose possible solutions that can ensure the reasonable and sustainable use of investment capital in this subregion.

Keywords: investment, tourism, South subregion of Hong River Delta.

1. Giới thiệu

Theo Quyết định số 2163/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 11 tháng 11 năm 2013 về việc phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”, tiểu vùng nam sông Hồng gồm các tỉnh: Ninh Bình, Nam Định, Thái Bình có vị trí địa lý thuận lợi (chỉ mất hơn một giờ di chuyển từ thủ đô Hà Nội - trung tâm du lịch khu vực phía Bắc), có diện tích khoảng 4.600 km², dân số 4,6 triệu người, có năm khu vực đa dạng sinh học được Tổ chức Giáo dục, khoa học

và văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận là khu dự trữ sinh quyển thế giới châu thổ sông Hồng đầu tiên của Việt Nam vào năm 2004 (theo Công ước về các vùng đất ngập nước (RAMSAR)) với những giá trị nổi bật toàn cầu về đa dạng sinh học và có ảnh hưởng lớn đến sự sống của nhân loại; cùng với đó là sự đa dạng loại địa hình: vùng đồng bằng thấp trũng, vùng đồng bằng ven biển, vùng đồi núi và bán sơn địa, bờ biển dài 142 km nên có nhiều giá trị về du lịch (bãi biển, di tích lịch

Đặng Thị Thúy Duyên, TS., Học viện Ngân hàng.

sử, cảnh quan độc đáo), tiêu biểu là quần thể danh thắng Tràng An được UNESCO công nhận là di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới. Tiểu vùng nam sông Hồng là vùng duy nhất ở Việt Nam có di sản kép (vừa là di sản thiên nhiên, vừa là di sản văn hóa được UNESCO công nhận), đồng thời, có khu dự trữ sinh quyển thế giới châu thổ sông Hồng (đa dạng sinh học và bảo tồn chim di cư có giá trị toàn cầu) - một tiềm năng du lịch nổi bật, hiếm có trên thế giới, vì vậy, đây được xem là điểm đến thu hút được sự quan tâm của khách du lịch trong và ngoài nước. Những năm qua, các tỉnh này đã bước đầu phát huy được lợi thế phát triển du lịch và đạt được kết quả đáng ghi nhận.

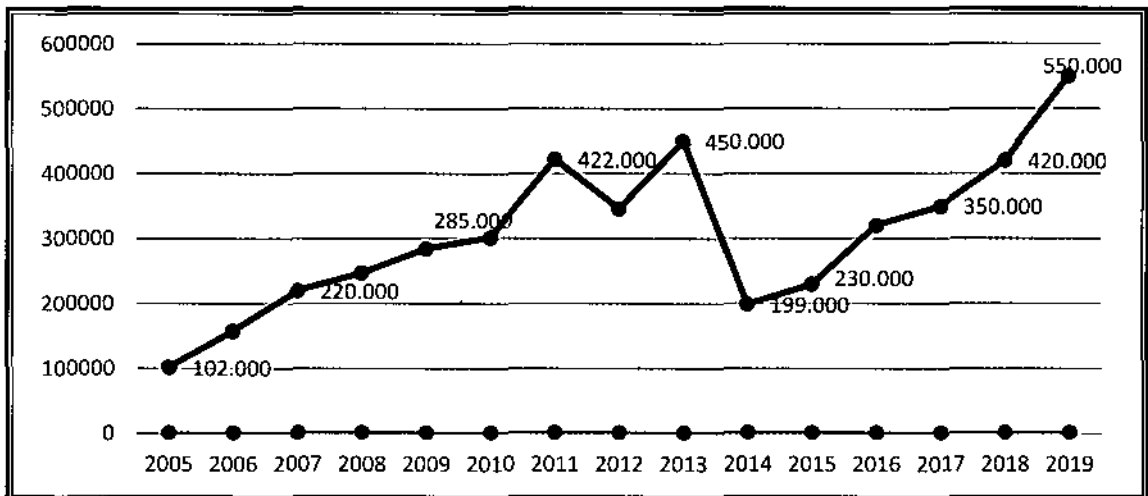
Trong chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của các tỉnh ở tiểu vùng nam sông Hồng, du lịch được đánh giá là đóng góp vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế

của các địa phương. Cả ba tỉnh đều có quy hoạch tổng thể du lịch phát triển du lịch định hướng đến năm 2025 và 2030: (1) Du lịch các tỉnh tiểu vùng nam sông Hồng ngày càng được khẳng định về tiềm năng, vị trí, hình ảnh và chất lượng trên bản đồ du lịch của Việt Nam; (2) Các điểm du lịch đều nằm ở vị trí giao thông thuận lợi, nhiều nơi giáp ranh giữa các tỉnh lân cận, thuận tiện cho việc tham quan, di chuyển, liên kết; (3) Các điểm du lịch đều nằm xen kẽ với khu dân cư, cách trung tâm thành phố không xa, nên có cả các dịch vụ tiện ích, giải trí xung quanh.

Du lịch có vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế các tỉnh, nhưng tổng số vốn đầu tư cho dự án du lịch hàng năm ở tiểu vùng nam sông Hồng còn khiêm tốn, chỉ chiếm khoảng hơn 1% tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

HÌNH 1: Tổng vốn đầu tư các dự án du lịch ở tiểu vùng nam sông Hồng giai đoạn 2005-2019

Đơn vị tính: triệu đồng



Nguồn: Niên giám thống kê các tỉnh tiểu vùng nam sông Hồng giai đoạn 2005-2019.

* Về đầu tư nước ngoài

Trên địa bàn các tỉnh tiểu vùng nam sông

Hồng hiện chưa có dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào lĩnh vực du lịch, đây cũng là

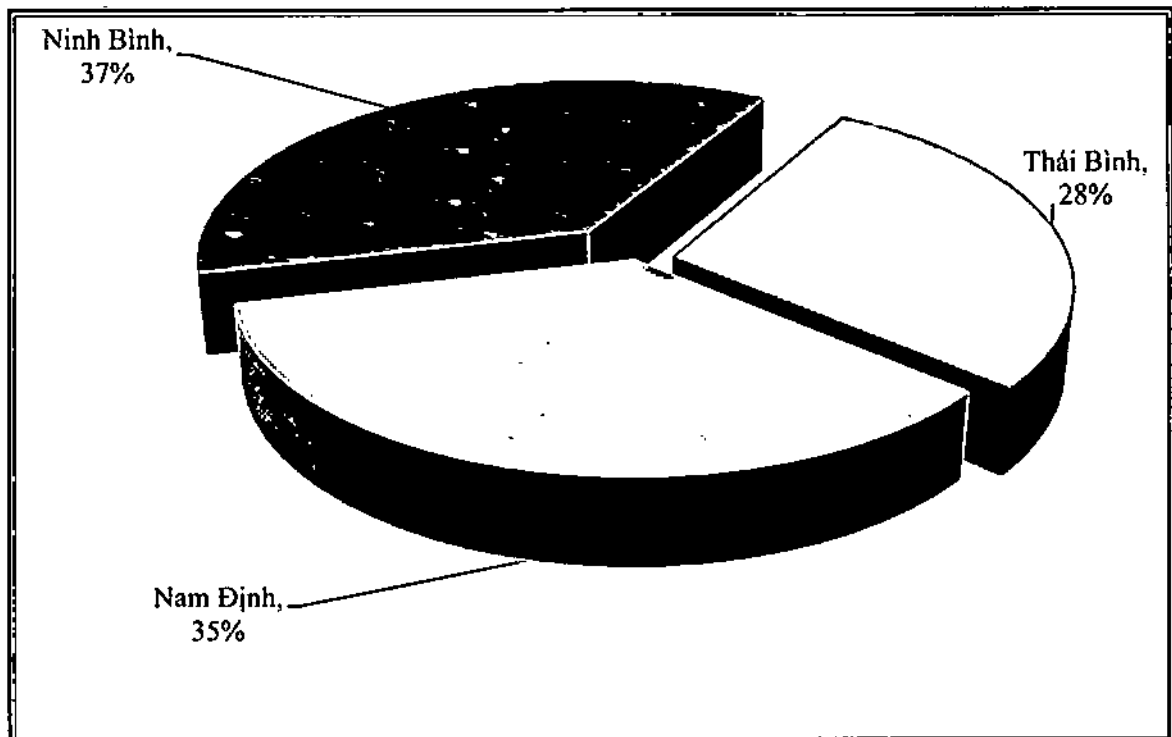
tình trạng chung của một số tỉnh lân cận. Nguyên nhân chủ yếu là các điểm du lịch văn hóa chưa thực sự hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt các điểm du lịch sinh thái tự nhiên của các tỉnh, trong đó có biển chưa thực sự nổi bật và hấp dẫn khách du lịch. Bên cạnh đó, các điều kiện về cơ sở hạ tầng, đặc biệt là giao thông tới các điểm du lịch còn kém, chất lượng các dịch vụ phục vụ du khách chưa đảm bảo.

** Về đầu tư trong nước*

Phần lớn vốn đầu tư phát triển dành cho du lịch ở tiểu vùng nam sông Hồng là từ vốn nhà nước. Việc thu hút các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch còn gặp nhiều khó khăn; các nhà đầu tư ít quan tâm đến việc bỏ vốn đầu tư vào cơ sở hạ tầng du lịch, vì tâm lý

chung đều cho rằng Nhà nước phải đảm nhiệm các công việc trên, còn các nhà đầu tư chỉ chú trọng những lĩnh vực đầu tư hoạt động kinh doanh như khách sạn, nhà hàng... để khai thác ngay. Do đó, nguồn vốn khác đầu tư cho cơ sở hạ tầng du lịch trong giai đoạn này còn thấp. Để giải quyết vấn đề này, các tỉnh tiểu vùng nam sông Hồng đã vận dụng một số chính sách, cơ chế nhằm thu hút các nguồn đầu tư như: chính sách đổi đất lấy hạ tầng; chính sách thu hút đầu tư; chính sách khuyến khích phát triển du lịch; quy định thủ tục, trình tự, thời gian xét duyệt cấp giấy phép đầu tư cho các dự án và giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa... Các chính sách này được ban hành, từng bước sẽ phát huy hiệu quả trong giai đoạn tới.

HÌNH 2: Tỷ lệ vốn đầu tư cho du lịch các tỉnh tiểu vùng nam sông Hồng



Nguồn: Sở Du lịch các tỉnh tiểu vùng nam sông Hồng.

Bên cạnh đó, căn cứ nội dung quy hoạch, các tỉnh đã có nhiều hoạt động xúc tiến kêu gọi đầu tư, nhưng môi trường đầu tư chưa thực sự hấp dẫn, nên thực tế công tác đầu tư không theo đúng quy hoạch, một phần do nguồn vốn quá nhỏ so với nhu cầu, một phần do định hướng quy hoạch không phù hợp, thiếu tính khả thi.

Mục tiêu của nghiên cứu này là: xác định và xem xét tác động của vốn đầu tư với số lượng khách du lịch ở tiểu vùng nam sông Hồng, từ đó, đề xuất các khuyến nghị để thu hút vốn đầu tư phát triển du lịch ở tiểu vùng nam sông Hồng.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Agni Alam Awirya và cộng sự (2010) cho rằng du lịch phải đặt nhu cầu của du khách và xem xét các chính sách của chính quyền địa phương cho phát triển du lịch. Các nhà đầu tư, với tư cách là bên đầu tư vốn, sẽ được hỗ trợ rất nhiều nếu họ biết những lĩnh vực nào có khả năng phát triển. Bali (Indônêxia) là địa điểm nghiên cứu của các tác giả - một điểm du lịch nổi tiếng thu hút khách du lịch và cũng là một trong các điểm thu hút đầu tư lớn. Các nhà đầu tư có cơ hội đầu tư phát triển các dịch vụ lưu trú đa dạng. Cơ quan quản lý, các nhà hoạch định chính sách ở Bali có thể đưa ra các cơ hội cho các nhà đầu tư với các hình thức đầu tư khác nhau như: cơ sở hạ tầng giao thông công cộng, thông tin liên lạc, điện và cơ sở hạ tầng cho du lịch ven biển và văn hóa phải được phát triển. Việc xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng sẽ mang lại lợi ích không chỉ cho du khách, mà còn cho người dân địa phương.

Theo Gordana Dobrivojević¹ và cộng sự (2017), cung cấp các điều kiện tốt để đầu tư vào nhân lực, điều kiện hạ tầng, vật chất của nền kinh tế, đầu tư sản phẩm dịch vụ, công nghệ thông tin phục vụ cho du lịch là nhu cầu cấp thiết của quốc gia.

Sudharshan Reddy Paramati và cộng sự (2018) điều tra tác động của đầu tư du lịch đối với phát triển du lịch và khí thải CO₂ trong một nhóm gồm 28 quốc gia EU sử dụng dữ liệu từ năm 1990 đến năm 2013. Và chỉ ra rằng, đầu tư vào du lịch có tác động tích cực và tiêu cực đáng kể đến phát triển du lịch và khí thải CO₂. Cùng với đó, khi kiểm tra tính phi nhân quả của dữ liệu không đồng nhất trong ngắn hạn, các tác giả thấy bằng chứng về mối quan hệ nhân quả hai chiều giữa đầu tư du lịch và doanh thu du lịch. Kết quả nghiên cứu cho thấy, đầu tư vào du lịch, không chỉ tăng doanh thu du lịch mà còn giảm lượng khí thải CO₂. Với những phát hiện này, các tác giả đề xuất các quốc gia EU đưa ra các chính sách hiệu quả hơn để tăng đầu tư vào du lịch. Đầu tư vào du lịch ngày càng tăng sẽ cho phép ngành công nghiệp phát triển hơn, đảm bảo sự phát triển du lịch bền vững đối với các nước thành viên EU.

OECD (2018) cho rằng, đầu tư tư nhân là cần thiết để mang lại tăng trưởng du lịch bền vững và lan tỏa tới các ngành kinh tế khác nhau. Hầu hết đầu tư tư nhân được thực hiện bởi các doanh nghiệp trong nước, nhưng đầu tư quốc tế có thể mang lại những lợi thế bổ sung (ví dụ như chuyển giao công nghệ, liên kết nhà cung cấp địa phương, tiếp cận thị trường toàn cầu) và các quốc gia đang ngày càng tìm kiếm các nhà đầu tư nước ngoài để cung cấp vốn cần thiết phát triển du lịch. Các chính sách cần xem xét là làm thế nào để

thu hút các nhà đầu tư du lịch quốc tế và trong nước, huy động nguồn đầu tư này một cách bền vững. Đầu tư cho phát triển du lịch bền vững cần có sự đóng góp tài chính của khu vực tư nhân, bản chất của khoản đầu tư được tài trợ và cách thức hoạt động của các doanh nghiệp du lịch.

Theo Canh Phúc Nguyen và cộng sự (2020), đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng du lịch để làm cho các điểm đến và dịch vụ ngày càng trở nên hấp dẫn được coi là biện pháp then chốt trong việc phát triển các điểm đến du lịch của một quốc gia. Nghiên cứu tác động của đầu tư vào các thành phần cơ sở hạ tầng du lịch đối với việc thu hút khách quốc tế bằng cách sử dụng dữ liệu từ Việt Nam trong giai đoạn 1995-2019, kết quả phân tích của Canh Phúc Nguyen và cộng sự cho thấy, về lâu dài, đầu tư vào ba thành phần của cơ sở hạ tầng du lịch, đó là: cơ sở hạ tầng giao thông và thông tin liên lạc; ngành khách sạn và nhà hàng và các cơ sở giải trí, có tác động tích cực và mạnh mẽ đến việc thu hút khách quốc tế. Ngoài ra, các tác động ngắn hạn khác nhau của ba thành phần cơ sở hạ tầng du lịch đối với toàn bộ thị trường và từng thị trường khách quốc tế chính cũng được tìm thấy. Còn theo Kafari Jeje (2021), sự đóng góp của ngành du lịch vào tăng trưởng kinh tế đã được ghi nhận ở nhiều nền kinh tế trên toàn cầu. Các quốc gia cố gắng cải thiện lĩnh vực du lịch của mình bằng cách áp dụng các chiến lược nhằm thu hút một lượng khách du lịch đáng kể. Nghiên cứu chỉ ra rằng, đầu tư vốn vào du lịch và lữ hành và chi tiêu của chính phủ cho du lịch và dịch vụ du lịch là những yếu tố quan trọng trong việc thúc đẩy khả năng cạnh tranh của ngành. Tuy nhiên, hai yếu tố này có ảnh hưởng đến lượng khách hay không và ảnh hưởng như thế nào? Nghiên

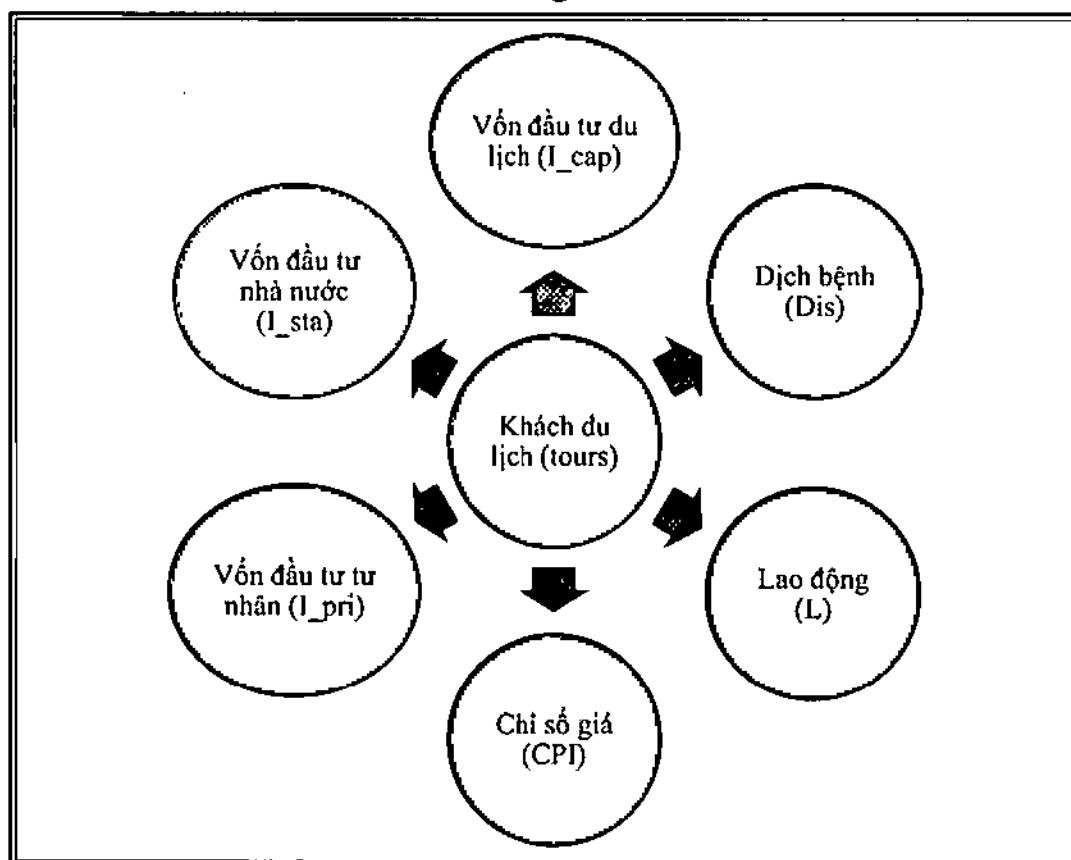
cứu này đã tìm cách xác định sự đóng góp của cả chi tiêu chính phủ và đầu tư vốn trong việc ảnh hưởng đến lượng khách du lịch. Sử dụng dữ liệu từ 150 quốc gia từ năm 2010 đến năm 2018, dựa trên phân tích hồi quy bội số, nghiên cứu này xác nhận rằng, tồn tại các mối quan hệ tuyến tính thuận giữa số lượng khách đến và vốn đầu tư vào du lịch trong các năm từ năm 2010 đến năm 2018. Tuy nhiên, nghiên cứu cho thấy, chi tiêu của chính phủ không ảnh hưởng đến số lượng khách đến. Do đó, các chính phủ cần nghiên cứu và hiểu rõ mối liên hệ giữa chi tiêu chính phủ và đầu tư vốn để phân bổ nguồn lực một cách thận trọng nhằm nâng cao tính cạnh tranh trong môi trường đầu tư của các lĩnh vực du lịch tương ứng.

Lực lượng lao động du lịch được đào tạo bài bản, làm việc chuyên nghiệp và đáp ứng được yêu cầu của khách du lịch sẽ góp phần đem lại cho du khách sự hài lòng và hoạt động thu hút khách du lịch sẽ ngày càng hiệu quả. Có nhiều chỉ tiêu được sử dụng để đại diện cho nguồn nhân lực cho du lịch của một địa phương, nghiên cứu này sử dụng số lượng lao động trong ngành du lịch để thể hiện nguồn nhân lực của địa phương nghiên cứu. Đây cũng chính là chỉ số được đưa vào mô hình nghiên cứu của Yang và cộng sự (2011).

2.2. Mô hình nghiên cứu đề xuất và giả thuyết nghiên cứu

Từ tổng hợp các nghiên cứu mô hình, hàm sản xuất Cobb-Douglas được sử dụng để ước tính tác động vốn, lao động đến số lượng khách du lịch. Do đó, hồi quy để phân tích ảnh hưởng của vốn đầu tư (tư nhân và nhà nước), lao động du lịch, chi số giá đến số lượng khách du lịch (quốc tế và nội địa) ở tiểu vùng nam sông Hồng như sau:

HÌNH 3: Mô hình nghiên cứu đề xuất



Nguồn: Đề xuất của tác giả.

Mô hình phân tích các nhân tố tác động đến số lượng khách du lịch đến các tiểu vùng nam sông Hồng dựa trên các nguồn số liệu, đó là: vốn đầu tư, dịch bệnh và lao động, vốn đầu tư nhà nước, vốn đầu tư tư nhân. Các số liệu thu thập và tính toán cho ba tỉnh là Ninh Bình, Nam Định, Thái Bình trong các năm 2005-2019 từ sở văn hóa, thể thao và du lịch của ba tỉnh này. Tác giả xây dựng mô hình hồi quy như sau:

$$\ln(\text{tours}_{it}) = \beta_1 + \beta_2 \ln(I_{\text{cap}_{it}}) + \beta_3 \ln(\text{Dis}_{it}) + \beta_4 \ln(L_{it}) + \beta_5 \ln(\text{CPI}_{it})$$

Giả thuyết nghiên cứu:

H₁: Đầu tư du lịch có ảnh hưởng tích cực tới lượng khách du lịch

H₂: Đầu tư nhà nước có ảnh hưởng tích cực tới lượng khách du lịch

H₃: Đầu tư tư nhân có ảnh hưởng tích cực tới lượng khách du lịch

H₄: Đầu tư du lịch có ảnh hưởng tích cực tới lượng khách du lịch quốc tế

H₅: Đầu tư du lịch có ảnh hưởng tích cực tới lượng khách du lịch nội địa

2.3. Dữ liệu nghiên cứu

Dữ liệu nghiên cứu sử dụng được lấy từ các nguồn khác nhau, chủ yếu là từ Niên giám thống kê và Sở Văn hóa, thể thao và du lịch của tỉnh Nam Định, Ninh Bình, Thái Bình, ngoài ra còn tham khảo và lấy từ đề án, đề tài nghiên cứu khoa học khác.

Biến số khách du lịch (tours): số lượng khách đến các tỉnh nam tiểu vùng sông Hồng, sử dụng thang đo khoảng, đơn vị tính là nghìn người, trong đó bao gồm cả khách du lịch nước ngoài và khách nội địa.

Biến số vốn đầu tư du lịch (I_cap): tổng số vốn đầu tư cho du lịch vào các tỉnh từ các năm 2005-2019, sử dụng thang đo khoảng, đơn vị tính là triệu đồng, trong đó bao gồm vốn đầu tư nhà nước (I_sta) và

vốn đầu tư khu vực tư nhân (I_pri).

Biến số dịch bệnh (Dis): số người bị nhiễm dịch bệnh như: dịch sốt xuất huyết, sởi, cúm A..., sử dụng thang đo khoảng, đơn vị tính là người.

Biến số lao động (L): số lao động trực tiếp hoạt động trong ngành du lịch, sử dụng thang đo khoảng, đơn vị tính là người.

Thông kê mô tả các biến bằng phần mềm stata như sau:

BẢNG 1: Thống kê mô tả các biến

Variable	Obs	Mean	Std. Dev.	Min	Max
ln_tours	15	8.379618	0,6538683	7.266598	9.315601
ln_I_cap	15	12.55203	0,4397732	11.53273	13.21767
ln_I_sta	15	11.08601	1.233068	8.19809	12.34562
ln_Dis	15	6.698534	0,3869583	5.894403	7.279319
ln_tou_in	15	6.059922	0,7559874	4.858652	6.877296
ln_Tou_dom	15	8.270922	0,6512316	7.172287	9.224243
ln_Ipri	15	12.09179	0,554876	10.79456	12.84295

Nguồn: Kết quả tính toán của tác giả

2.4. Kết quả nghiên cứu

Kết quả được thực hiện dưới sự hỗ trợ của phần mềm stata. Thực hiện hồi quy giữa biến số phụ thuộc với các biến vốn đầu tư, dịch bệnh, lao động và CPI, kết quả cho thấy, hệ số góc của các biến số lao động và CPI không có ý nghĩa thống kê do có giá trị $p > 0,05$. Do đó, dùng kiểm định bỏ bớt 2 biến trên ra khỏi mô hình, giá trị p của kiểm

định F là $0,312 > 0,05$ cho thấy, cần thiết phải bỏ hai biến ra khỏi mô hình. Sau đó hồi quy biến Ln(tours) với hai biến còn lại là Ln(I_cap) và Ln(Dis). Trước tiên kiểm tra tính dừng của các chuỗi số: của vốn đầu tư du lịch và khách du lịch. Chuỗi khách du lịch là chuỗi số dừng ở phương sai bậc 1 (giá trị tuyệt đối của Test Statistic lớn hơn Critical Value):

BẢNG 2: Kiểm định chuỗi số dừng

Dickey-Fuller test for unit root

Number of obs = 13

----- Interpolated Dickey-Fuller -----

	Test Statistic	1% Critical Value	5% Critical Value	10% Critical Value
Z(t)	-4,061	-3,750	-3,000	-2,630
MacKinnon approximate p-value for Z(t) = 0.0011				

Nguồn: Kết quả tính toán của tác giả.

Tương tự kiểm tra tính dừng của chuỗi vốn đầu tư du lịch, là chuỗi số dừng ở phương sai bậc 1. Thực hiện phân tích hồi quy với biến phụ thuộc tours, biến độc lập là vốn đầu tư du lịch và dịch bệnh.

BẢNG 3: Mô hình hồi quy
reg ln_tours ln_I_cap ln_Dis

Source	SS	df	MS	Number of obs = 15		
				F(2, 12)	= 8,38	
Model	3,48881585	2	1,74440793	Prob > F	= 0,0053	
Residual	2,49679682	12	0,208066402	R-squared	= 0,5829	
				Adj R-squared	= 0,5133	
Total	5,98561267	14	0,427543762	Root MSE	= 0,45614	
ln_tours	Coef.	Std. Err.	t	P> t	[95% Conf. Interval]	
ln_I_cap	1,16058	0,2856789	4,06	0,002	0,5381395	1,783021
ln_Dis	-0,0157030	0,3246705	-0,48	0,063	-0,8644269	0,503657
cons	-5,136153	3,719187	-1,38	0,192	-13,23957	2,96726

Nguồn: Kết quả tính toán của tác giả.

BẢNG 4: Kiểm định Durbin-Watson:
Durbin's alternative test for autocorrelation

lags(p)	chi2	df	Prob > chi2
1	18,827	1	0,0000

Ho: no serial correlation

Nguồn: Kết quả tính toán của tác giả.

Kiểm định Ramsey cho biết kết quả dạng hàm là đúng, có cơ sở.

BẢNG 5: Kiểm định Ramsey

Ramsey RESET test using powers of the fitted values of ln_tours Ho: model has no omitted variables F(3, 9) = 0,03 Prob > F = 0,9919
--

Nguồn: Kết quả tính toán của tác giả.

BẢNG 6: Kiểm định Breusch-Pagan:

Breusch-Pagan / Cook-Weisberg test for heteroskedasticity Ho: Constant variance Variables: fitted values of ln_tours chi2(1) = 0,18 Prob > chi2 = 0,6751
--

Nguồn: Kết quả tính toán của tác giả.

Bảng 6 cho thấy kiểm định Breusch-Pagan với giá trị $\text{Prob} > F > 5\%$, do đó, chấp nhận giả thiết H_0 , có nghĩa là phương sai đồng nhất, phương sai không đổi.

Phương trình hồi quy như sau:

$$\text{Ln}(\text{tours}) = -5.136 + 1.16058 * \text{Ln}(\text{I_cap}) - 0.157 * \text{Ln}(\text{Dis})$$

Vốn đầu tư tác động tích cực đến lượng khách du lịch đến tiểu vùng nam sông Hồng, dịch bệnh tác động tiêu cực đến số lượng khách du lịch. Khi vốn đầu tư thay đổi 1% thì khách du lịch tăng 1,16% và ngược lại, khi có dịch bệnh thì khách du lịch giảm 0,16%. Nhưng hai biến độc lập vốn đầu tư và dịch bệnh mới chỉ giải thích được 51,3% sự thay đổi của biến phụ thuộc là số lượng khách du lịch. Điều này là phù hợp vì ngoài vốn đầu tư còn có các nhân tố khác tác động tới lượng khách du lịch đến tiểu vùng nam sông Hồng.

Tương tự, hồi quy mô hình để tìm hiểu vốn đầu tư tác động thế nào đến số khách du lịch quốc tế và khách du lịch nội địa đến tiểu vùng nam sông Hồng. Khi vốn đầu tư tăng 1% thì số khách du lịch quốc tế tăng 1,33%, khách nội địa tăng 1,14%. Sự tác động của vốn đầu tư đến lượng khách du lịch quốc tế lớn hơn lượng khách nội địa.

Tiếp tục tìm hiểu vốn đầu tư từ nhà nước và vốn tư nhân tác động thế nào đến lượng khách du lịch đến tiểu vùng nam sông Hồng. Sau khi phân tích hồi quy, nhận thấy vốn đầu tư khu vực nhà nước tăng 1% thì số khách du lịch tăng 0,36%, vốn đầu tư khu vực tư nhân tăng 1% thì số khách du lịch tăng 0,48%. Sự tác động của vốn đầu tư khu vực tư nhân đến số lượng khách du lịch lớn hơn vốn đầu tư khu vực nhà nước.

3. Kết luận và một số khuyến nghị

Đầu tư vào du lịch là đầu tư lâu dài đòi hỏi sự bền bỉ, nhưng hiệu quả của nó sẽ tác động bao trùm đến cả về kinh tế, xã hội và môi trường. Đầu tư phát triển du lịch cần có trọng điểm, chú trọng đối với những nơi có

thể khai thác và tạo ra các sản phẩm đặc thù, có sức cạnh tranh, làm nên thương hiệu cho du lịch ở tiểu vùng nam sông Hồng. Mặc dù đầu tư cho du lịch còn khiêm tốn trong tổng vốn đầu tư vào các tỉnh tiểu vùng nam sông Hồng, nhưng theo nghiên cứu, đầu tư du lịch thực sự có tác động rất lớn đến thu hút khách du lịch. Tuy nhiên hiện nay, đầu tư cho du lịch ở các tỉnh vẫn chỉ là vốn trong nước, chưa huy động được nguồn vốn từ nước ngoài. Các tỉnh tiểu vùng nam sông Hồng cần tăng cường liên kết và tích cực tìm nguồn vốn tài trợ từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh cho hoạt động du lịch địa phương.

Căn cứ vào đặc thù ngành du lịch cũng như điều kiện cụ thể của tỉnh, vốn đầu tư cho du lịch cần hướng vào hoạt động phát triển du lịch như:

Đầu tư xây dựng đồng bộ các khu du lịch trọng điểm: đây là một hướng đầu tư rất quan trọng, sẽ tạo nên bộ mặt mới cho du lịch đảm bảo về chất trong hoạt động phát triển du lịch ở các tỉnh tiểu vùng nam sông Hồng. Hiện nay, ở Ninh Bình đã và đang hình thành (đang phát triển và theo quy hoạch) tương đối rõ các khu du lịch (Khu du lịch sinh thái Tràng An, Khu du lịch Tam Cốc - Bích Động, khu du lịch Cúc Phương); Nam Định xây dựng đồng bộ khu di tích đền thờ và lăng mộ các vua Trần, chùa Keo, biển Quất Lâm...; Thái Bình đầu tư đồng bộ khu du lịch cộng đồng trải nghiệm nông nghiệp, nông thôn gắn với văn minh lúa nước sông Hồng, sau đó mở rộng đầu tư các khu du lịch Cồn Vành, Cồn Đen, Thụy Trường và tuyến du lịch theo sông Trà Lý... Tuy nhiên, những điểm du lịch đặc biệt, những khu du lịch có sản phẩm riêng, hấp dẫn thì các tỉnh hầu như chưa có. Các điều kiện về cơ sở vật chất, dịch vụ hỗ trợ được đầu tư chưa tương xứng với nhu cầu của khách du lịch, mô hình quản lý vận hành phù hợp.

Đầu tư phát triển hệ thống khách sạn và các công trình dịch vụ du lịch chất lượng cao: kinh tế thế giới và trong nước càng phát triển, hội nhập càng sâu rộng, cho nên các tiêu chuẩn về du lịch và dịch vụ du lịch cũng phải phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế. Hiện nay, ở các tỉnh tiểu vùng nam sông Hồng còn thiếu các khách sạn cao cấp 4-5 sao. Vì vậy, đầu tư phát triển hướng vào hệ thống khách sạn nghỉ dưỡng, khách sạn thương mại cao cấp ở thành phố trung tâm và các khu du lịch trọng điểm. Ở các không gian du lịch lân cận nên đầu tư xây dựng các khách sạn với quy mô và tiêu chuẩn trung bình để phục vụ phần lớn đối tượng khách và đảm bảo hiệu quả trong kinh doanh. Đối với các khu, điểm du lịch mà sản phẩm chủ yếu là du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng hoặc du lịch dựa vào tự nhiên, cần chú trọng phát triển hệ thống lưu trú sinh thái, hệ thống lưu trú trong dân (homestay)...

Đầu tư phát triển hệ thống các công trình vui chơi giải trí, thể thao; các dịch vụ hỗ trợ khác: cần ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình vui chơi giải trí, thể thao tổng hợp; các cơ sở y tế, chăm sóc sức khỏe hiện đại, chất lượng cao...

Đầu tư cho các dự án bảo tồn, tôn tạo các giá trị văn hóa lịch sử và phát triển các lễ hội, làng nghề truyền thống phục vụ du lịch: một trong những mục đích của khách du lịch đến các tỉnh tiểu vùng nam sông Hồng là: để tham quan, nghiên cứu tìm hiểu về nền văn hóa bản địa, đặc biệt là nền văn hóa sông Hồng; nghiên cứu về làng quê Việt Nam gắn với văn minh lúa nước; nghiên cứu về truyền thống cách mạng của người dân gắn di tích; nghiên cứu về văn hóa tâm linh gắn với chùa Bái Đính, nhà thờ Phát Diệm, chùa Keo, đền Trần... Do vậy, việc đầu tư bảo tồn, tôn tạo các giá trị văn hóa lịch sử và các lễ hội, làng nghề truyền thống ở các tỉnh, một mặt có ý nghĩa

giáo dục các thế hệ trẻ về những giá trị văn hóa lịch sử của dân tộc, về những hy sinh và kỳ tích của các thế hệ cha ông đi trước trong các cuộc chiến tranh giữ nước, mặt khác có ý nghĩa quan trọng đối với hoạt động phát triển du lịch.

Đầu tư cho công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực du lịch chất lượng cao: đầu tư cho nhân lực luôn là quá trình lâu dài và khó khăn. Tuy nhiên, đầu tư cho nguồn nhân lực du lịch lại là hạt nhân cho quá trình thúc đẩy phát triển của ngành. Vì vậy, cần có những chương trình đào tạo toàn diện, rộng, sâu về lý luận và bám sát với thực tiễn, đồng bộ từ quản lý đến nhân viên phục vụ là vô cùng quan trọng phục vụ cho phát triển du lịch bền vững ở các tỉnh tiểu vùng nam sông Hồng.

Về việc huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển du lịch ở tiểu vùng nam sông Hồng cần quan tâm thu hút các nguồn vốn sau:

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước (trung ương và địa phương) được đầu tư theo hướng đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm không thất thoát, lãng phí, tham nhũng để tạo động lực kích thích phát triển du lịch ở các tỉnh; tập trung vốn trước cho hệ thống kết cấu hạ tầng tại các khu du lịch trọng điểm. Đối với nguồn ngân sách trung ương, cần tranh thủ sự hỗ trợ kinh phí trong Chương trình hành động quốc gia về du lịch, nguồn vốn ODA (kinh phí hỗ trợ của ADB...) để đầu tư vào hạ tầng du lịch, bảo tồn các di tích cấp quốc gia... Nguồn ngân sách địa phương tập trung cho công tác quảng bá, xúc tiến đầu tư phát triển du lịch; tổ chức các sự kiện; bảo vệ môi trường... Đây là nguồn vốn không lớn (dự kiến khoảng 10% trong tổng nhu cầu vốn đầu tư), nhưng lại có ý nghĩa như một thời nam châm khổng lồ để thu hút các nguồn vốn khác vào phát triển du lịch cho các tỉnh.

- Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào hoạt động du lịch (doanh nghiệp, tổ chức, đoàn thể, cá nhân, hộ gia đình). Có cơ chế thích hợp để thu hút nguồn vốn đầu tư dưới dạng liên doanh, liên kết trong nước và quốc tế đầu tư vào các dự án lớn, cần nhiều vốn; tranh thủ thu hút nguồn vốn trong dân để đầu tư phát triển du lịch đối với các dự án nhỏ, cần ít vốn; thu hút các doanh nghiệp, cá nhân cùng đầu tư bảo tồn, tôn tạo di tích, thắng cảnh, các lễ hội, các hoạt động văn hóa dân gian, các làng nghề... phục vụ phát triển du lịch.

- Coi trọng nguồn vốn để lại từ lợi nhuận của các doanh nghiệp du lịch; vốn vay ngân hàng với lãi suất ưu đãi; thành lập Quỹ phát triển du lịch nhằm thu hút vốn nhân rộng trong dân qua hệ thống ngân hàng; dựa trên Luật Đầu tư để có căn cứ thu hút các loại vốn khác nhau từ vốn cổ phần hóa các doanh nghiệp, cho thuê đất trả tiền trước, đổi đất lấy cơ sở hạ tầng có giới hạn thời gian...

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Agni Alam Awirya, M. Th. Anitawati, Rani Setyodewanti (2010), *Opportunity to develop tourism industry through investment*, <https://freit.org/WorkingPapers/Papers/ForeignInvestment/FREIT416.pdf>.
2. Canh Phuc Nguyen, Pham Thai Binh, Thanh Dinh Su (2020), *Capital investment in tourism: A global investigation*, tourism planning & development.
3. Cục Thống kê Nam Định (2017), *Niên giám thống kê tỉnh Nam Định 2010-2016*.
4. Cục Thống kê Ninh Bình (2017), *Niên giám thống kê tỉnh Ninh Bình 2010-2016*.
5. Cục Thống kê Thái Bình (2017), *Niên giám thống kê tỉnh Thái Bình 2010- 2016*.
6. Gordana Dobrivojević1, Danijel Pavlović2, Jovan Popesku2 (2017), *Location attractiveness for investments as a competitiveness factor in tourism*, TEME, т. XLI, бр. 3, јул - септембар 2017, стр. 655- 671.
7. Kafigi Jeje (2021), *Increasing tourist arrivals: Do capital investment and government spending matter?* https://dj.univdanubius.ro/index.php/JAM/article/download/622/1299?inline=1#sdfotno_elsym.
8. OECD Tourism Trends and Policies (2018), *Towards investment and financing for sustainable tourism*, Parl chapter 3 pp.93-117.
9. Sở Văn hóa, thể thao - du lịch Nam Định (2005-2019), *Báo cáo kết quả hoạt động hàng năm tỉnh Nam Định*.
10. Sở Văn hóa, thể thao - du lịch Nam Định (2005-2019), *Báo cáo kết quả hoạt động hàng năm tỉnh Ninh Bình*.
11. Sở Văn hóa, thể thao - du lịch Thái Bình (2005-2019), *Báo cáo kết quả hoạt động hàng năm tỉnh Thái Bình*.
12. Sudharshan Reddy Paramati, Md. Samsul Alam, Chi Keung Marco Lau (2018), *The effect of tourism investment on tourism development and CO₂ emissions: empirical evidence from the EU nations*, Tourism Planning & Development.
13. Thủ tướng chính phủ (2013), Quyết định số 2163/QĐ-TTg, ngày 11-11-2013, phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.
14. Yang.Q, Ye.F, Yan.F (2011), *An empirical analysis of influential factors international tourism income in Sichuan Provice*, Asian Social Science, Issue No7, pp54-61.

Ngày nhận bài : 11-11-2021

Ngày nhận bản sửa : 16-11-2021

Ngày duyệt đăng : 16-11-2021